Mẫu biểu số 01

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND phường)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán giao điều chỉnh	Thực hiện		Thực hiện 9 tháng so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
		1	*2*	*3*	*4=3/1*	*5*
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**249.831**	**78.889**	**226.854**	**91**	**216**
I	Thu nội địa	249.831	78.889	226.854	91	216
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP XÃ)**	**279.110**	**75.679**	**241.635**	**87**	**195**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**166.162**	**55.854**	**156.298**	**94**	**1938**
1	Các khoản thu hưởng 100% (*có nghĩa là các khoản thu ngân sách xã hưởng toàn bộ số thu)*	23.986	3.148	16.723	70	357
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % *(có nghĩa là các khoản thu phân chia giữa NS trung ương/NS thành phố và NS xã)*	142.176	52.706	139.575	98	4132
II	**Thu bổ sung từ NS thành phố cho NS xã**	**96.885**	**19.825**	**69.274**	**72**	**62**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	67.411	6.000	39.800	59	55
2	Thu bổ sung có mục tiêu	29.474	13.825	29.474	100	77
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính (nếu có)**					
IV	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**3.092**	**-**	**3.092**	**100**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**12.971**	**-**	**12.971**	**100**	
C	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP XÃ)**	**279.110**	**72.827**	**192.199**	**69**	**219**
I	**Chi cân đối ngân sách**	**242.270**	**72.827**	**167.047**	**69**	**190**
1	Chi đầu tư phát triển	91.565	28.039	78.252	85	620
2	Chi thường xuyên	139.776	44.788	88.795	64	118
3	Dự phòng ngân sách	4.989	-	-	-	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.940		-		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS thành phố cho NS xã**	**29.474**		**19.848**	**67**	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**7.366**		**5.304**	**72**	

Mẫu biểu số 02

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2607../QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND phường)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán giao điều chỉnh	Thực hiện		TH 9 tháng so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ 2025
		1	*2*	*3*	*4=3/1*	*5*
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**249.831**	**78.889**	**226.854**	**91**	**216**
I	**Thu nội địa**	**249.831**	**78.889**	**226.854**	**91**	**216**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		0	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			-		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	109.500	26.614	84.982	78	
4	Thuế thu nhập cá nhân	17.000	7.296	21.521	127	
5	Lệ phí trước bạ	19.000	3.126	12.253	64	
6	Thuế bảo vệ môi trường			-		
7	Các loại phí, lệ phí	3.500	464	2.420	69	
8	Các khoản thu về nhà, đất	97.831	40.577	102.208	104	
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	-		-		
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	831	336	635	76	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	17.000	15.960	28.851	170	
-	*Thu tiền sử dụng đất*	80.000	24.281	72.722	91	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*			-		
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển			-		

10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			-		
11	Thu từ hoạt động xổ số			-		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		1	1		
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			-		
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*			-		
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*			-		
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác			-		
15	Thu khác ngân sách	3.000	811	3.469	116	
II	**Thu viện trợ**					
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**166.162**	**55.854**	**142.723**	**86**	**1.769**
1	Các khoản thu hưởng 100% (*có nghĩa là các khoản thu ngân sách xã hưởng toàn bộ số thu)*	23.986	3.148	16.723	70	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % *(có nghĩa là các khoản thu phân chia giữa NS trung ương/NS thành phố và NS xã)*	142.176	52.706	126.000	89	

Mẫu biểu số 03

THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Dự toán điều chỉnh	Thực hiện		TH 9 tháng so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**279.110**	**72.826**	**192.199**	**69**	**219**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**249.636**	**72.826**	**172.351**	**69**	**197**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**91.565**	**28.039**	**78.252**	85	**620**
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	91.565	28.039	78.252	85	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**139.776**	**44.787**	**88.795**	**64**	**118**
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*65.043*	18.045	43.028	66	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	*2.487*	1.590	1.649	66	
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**4.989**	**-**	**-**	**-**	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	**5.940**	**-**	**-**	**-**	
IX	**Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước**	**7.366**		**5.304**	**72**	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS THÀNH PHỐ CHO NS XÃ**	**29.474**		**19.848**	**67**	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	10.000		6.042	60	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	19.474		13.806	71	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

Mẫu biểu số 04

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG,
DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số .2607../QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Dự phòng ngân sách phường			Dự phòng ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND phường quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NS thành phố bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	*B*	*1*	*2*	*3=1-2*	*4*	*5*	*6=4-5*
	Tổng số	**4.989**	**-**	**4.989**	**210**	**210**	**-**
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	4.989	-	4.989	210	210	-

Mẫu biểu số 05

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của UBND phường)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	**1.805**	**1.805**	**-**
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ	-	-	-
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	-	-	-
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	-	-	-
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	-	-	-
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội; nhiệm vụ chi địa phương	1.805	1.805	-